

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 680/2020/DS-PT

Ngày: 16 - 12 - 2020

V/v Tranh chấp về vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4004/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G), sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 9/3F, ngõ 10, hẻm 35, đường Tự D, thành phố T, huyện B, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: 687, tổ 19, ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 03/8/2018)

- *Bị đơn:*

1/ Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1952 (vắng mặt);

2/ Ông Văng Công L, sinh năm 1947 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp Vĩnh Q, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, ông L : Ông Trần Ngọc M1, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 48B9 khu phố B, thị trấn Tân H, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2020)

3/ Bà Văng Hồng T (Văng Thị Mộng T), sinh năm 1984 (vắng mặt)

4/ Bà Văng Thị Cẩm T1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp Vĩnh Q, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang

- *Người làm chứng:* Bà Đặng Ngọc H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: 687, tổ 19, ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Thạnh T, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Hồ Thị Đ và ông Văng Công L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim M trình bày:

Năm 2002, bà Teng Yu Ch (tên tiếng Việt: Đặng Ngọc G) có cho bà Hồ Thị Đ, ông Văng Công L vay 100.000.000 đồng, không tính lãi để làm vốn kinh doanh, khi giao nhận tiền có bà Văng Hồng T (Văng Thị Mộng T), bà Hồ Thị Đ, ông Văng Công L chứng kiến.

Năm 2005, bà Ch (G) có nhận cô 06 công đất của bà Đ, ông L với số tiền 4.000 USD và cho ông L, bà Đ thuê lại với giá 10.000.000 đồng/năm, số tiền này do em bà Ch (G) là bà Đặng Ngọc H nhận thay và đã giao đủ cho bà.

Ngày 09/6/2006, bà Ch (G) cho bà Hồ Thị Đ vay 12.000 USD quy đổi thành 258.000.000 đồng với thời hạn vay là 06 năm, thỏa thuận đến ngày 09/6/2012 trả hết tiền vay. Khi bà Ch (G) đến nhà bà Đ để giao tiền thì có mặt ông Văng Công L, bà Văng Hồng T (Văng Thị Mộng T) và bà Văng Thị Cẩm T1. Bà Ch (G) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà Đ trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng bà cho vay năm 2002, 4.000 USD cho vay năm 2005 và 12.000 USD cho vay năm 2006.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/DS-ST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G):

Buộc bà Văng Thị Mộng T trả cho bà Teng Yu Ch tổng số tiền 196.000.000 đồng;

Buộc ông Văng Công L và bà Hồ Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Teng Yu Ch số tiền 258.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 238/2017/DS-PT ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị Đ, ông Văng Công L; Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/DS-ST ngày 29/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Hủy phần buộc ông Văng Công L và bà Hồ Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) số tiền 258.000.000 đồng.

Ngày 05/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý lại vụ án số 87/2018/TLVA-DS.

Ngày 20/02/2019, bà Ch (G) khởi kiện bổ sung: Yêu cầu bà Hồ Thị Đ, ông Văng Công L, bà Văng Hồng T (Văng Thị Mộng T) và bà Văng Thị Cẩm T1 cùng liên đới trả 12.000 USD và tiền lãi 234.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/7/2006 vì cùng trực tiếp nhận. Biên nhận ngày 08/7/2006 do bà T1 viết, mục đích vay tiền để mở tim cho bà Đ và mua bán vật liệu xây dựng tại chợ Châu Phú. Từ khi vay cho đến nay phía bà Đ, ông L chưa trả vốn và lãi.

Ngày 28/3/2019, Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện này.

Bị đơn Hồ Thị Đ trình bày:

Bà Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà Đ không có vay 12.000 USD của bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) nên không đồng ý trả tiền gốc và lãi như yêu cầu của nguyên đơn. Đối với biên nhận ngày 08/7/2006 thì bà Đ không có ký tên, cũng không biết ai viết biên nhận đó và tại kết luận giám định số 591/KLGT-PC09 ngày 17/9/2018 của Công An tỉnh An Giang kết luận không xác định được là bà Đ có vay tiền của bà G.

Ông Văng Công L, bà Văng Hồng T (Văng Thị Mộng T) có văn bản không đồng ý với yêu cầu của bà Ch (G).

Quá trình giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kim M đại diện cho bà Ch (G) yêu cầu giám định chữ viết tại tờ biên nhận ngày 08/7/2006 có phải là của bà Văng Thị Cẩm T1 hay không; không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Hồ Thị Đ và giọng nói của bà Đ trong tệp ghi âm đã cung cấp cho Tòa.

Phía bị đơn không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Hồ Thị Đ trong biên nhận nợ ngày 08/7/2006 vì trách nhiệm chứng minh thuộc về nguyên

đơn.

Chứng cứ Tòa án thu thập: Kết luận giám định số 591/KLGT-PC09 ngày 17/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G)

Buộc bà Hồ Thị Đ, ông Văng Công L phải trả 12.000USD, quy đổi ra tiền đồng $12.000\text{USD} \times 23.157\text{đ/USD} = 277.800.000\text{đ}$ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm ngàn đồng) cho bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/01/2020, bị đơn bà Hồ Thị Đ, ông Văng Công L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông Văng Công L, bà Hồ Thị Đ (đều do ông Trần Ngọc M1 đại diện theo ủy quyền) vẫn kháng cáo cho rằng: Bà T1 không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, không biết từ khi nào Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện buộc bà T1, bà T, ông L, bà Đ cùng liên đới trả số tiền 12.000 USD cho nguyên đơn. Tất cả các văn bản tố tụng sơ thẩm đều ghi chung tên 04 bị đơn trong cùng 01 văn bản, không có tài liệu cam kết của người nhận sẽ giao các văn bản trên cho bà T1, nên Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đã tổng đạt hợp lệ cho bà T1 là không đúng. Việc giám định giấy biên nhận nợ ngày 08/7/2006 chỉ thực hiện đối với chữ viết, không giám định chữ ký nên chưa đủ cơ sở kết luận. Ngoài ra, ông L không có trách nhiệm phải liên đới với bà Đ để trả nợ. Như vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không đúng nên yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Nguyên đơn bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) (có bà Nguyễn Thị Kim M đại diện theo ủy quyền) không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội

đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà Đ và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt chưa hợp lệ cho bà Văng Thị Cẩm T1 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

[1.1] Hồ sơ vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lần 01 ngày 01/02/2016 theo đơn khởi kiện của bà G yêu cầu bà Đ, ông L phải trả lại số tiền vay gồm: 100.000.000 đồng bà cho vay năm 2002, 4.000 USD cho vay năm 2005 và 12.000 USD cho vay năm 2006. Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm lần 01 liên quan đến số tiền 12.000 USD, năm 2018 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý vụ án lần 02. Ngày 20/02/2019, bà G có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Đ, ông L, bà T1, bà T cùng liên đới trả số tiền 12.000 USD.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Văng Thị Cẩm T1 theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp (cùng địa chỉ với các bị đơn khác) nhưng bà T1 không có mặt. Hồ sơ vụ án thể hiện, bà T1 đã xuất cảnh đi nước ngoài từ năm 2012 nhưng bị đơn không cung cấp địa chỉ tại nước ngoài của bà T1 cho Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo cho rằng việc tổng đạt văn bản tố tụng của cấp sơ thẩm cho bà T1 không hợp lệ là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Bị đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền 12.000 USD cho nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn với chứng cứ là giấy biên nhận nợ ngày 08/7/2006 có nội dung: “Tôi tên Hồ Thị Đ có mượn số tiền của cháu Giới là 12.000 USD (Mười hai ngàn), mỗi năm trả lãi là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), thời gian trả là 6 năm (sáu năm), ngày mượn 9/6/2006 đến ngày 9/6/2012, Châu Phú, An Giang”, người mượn ký tên Hồ Thị Đ”. Khi giao tiền có mặt ông L, bà Đ, bà T1, bà T là người nhận đếm tiền tại nhà của bà Đ; bà T1 là người được bà Đ nhờ viết giấy này. Bị đơn ông L, bà Đ, bà T không thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn và cho rằng biên nhận nêu trên bà T1 viết và ký, các ông bà không có trách nhiệm trả nợ; bà T1 không có ý kiến trình bày.

[3] Theo Kết luận giám định số 591/KLGT-PC09 ngày 17/9/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh An Giang, chữ viết trong tờ biên nhận là

của bà Văng Thị Cẩm T1, phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn là khi giao tiền bà Đ có nhờ bà T1 viết biên nhận.

[4] Hơn nữa, thời điểm bà T1 được xác nhận là có mặt tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt nhiều lần nhưng bà T1 không có mặt theo giấy triệu tập để làm rõ vì sao có viết và ghi tên bà Đ vào giấy nhận nợ 08/7/2006. Bà Đ cũng không giải thích được lý do bà T1 lại ghi tên bà trong khi vào năm 2006, bà T1 đã là người thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định bà Đ có vay của nguyên đơn số tiền là 12.000 (mười hai ngàn) USD là có căn cứ.

[5] Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, mọi giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam không được thực hiện bằng ngoại hối nên giao dịch vay mượn giữa bà G với bà Đ vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

[6] Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015) về giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu quy định các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do vậy, bà Đ có nghĩa vụ trả lại số tiền 12.000 USD đã nhận cho bà G, quy đổi thành tiền Việt Nam đồng là 277.800.000 đồng (theo tỷ giá ngoại hối giữa đồng Đô la Mỹ và đồng Việt Nam của Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 23.157 đồng/USD).

[7] Do đó, kháng cáo không đồng ý trả số tiền 12.000 USD cho nguyên đơn của bà Đ là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét kháng cáo của bà Đ, ông L cho rằng ông L không có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay.

[8.1] Như đã phân tích tại mục [4], có việc bà Đ vay tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn lại yêu cầu ông L, bà T và bà T1 cùng liên đới với bà Đ trả số tiền nêu trên. Bị đơn không thừa nhận có việc mượn tiền; nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Đ, bà T, bà T1 dùng số tiền này vào nhu cầu thiết yếu của gia đình bà Đ hay cho nhu cầu sinh hoạt của bà T và bà T1 cũng như việc bà T, bà T1 có nhận số tiền 12.000 USD. Hơn nữa, bà G cũng xác nhận người vay tiền là bà Đ, mục đích vay tiền là để bà Đ chữa bệnh. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T, bà T1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền này là phù hợp. Tuy nhiên, tại quyết định của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên phần này là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[8.2] Ngoài ra, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định giao dịch vay mượn thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Đ với ông L nên ông L có nghĩa vụ liên đới với bà Đ trả nợ. Xét thấy, như đã nêu tại mục [8.1], nguyên đơn

không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Đ vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ông L không thừa nhận việc vay mượn này. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L có trách nhiệm liên đới cùng với bà Đ trả số tiền này cho bà G là chưa đủ cơ sở vững chắc nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nội dung này.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đ, ông L, sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung buộc ông L có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà Đ; các kháng cáo còn lại của bà Đ như phân tích tại mục [1], [4], [5], [6], [7] là không có cơ sở chấp nhận. Đây cũng là căn cứ để không chấp nhận đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[10] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[11] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: như phân tích tại mục [9], chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm bà Hồ Thị Đ phải chịu. Chi phí giám định do bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) nộp tạm ứng nên bà Đ phải hoàn trả cho bà G số tiền này.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các Điều 128, 136, 137 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

I/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Đ, ông Văng Công L; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về phân trách nhiệm liên đới trả số tiền vay, chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G)

Buộc bà Hồ Thị Đ phải trả 12.000USD, quy đổi ra tiền đồng 12.000USD x 23.157đ/USD = 277.800.000đ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu, tám trăm ngàn đồng) cho bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G).

Kể từ ngày bản án hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) buộc ông Văng Công L, bà Văng Hồng T (Văng Thị Mộng T), Văng Thị Cẩm T1 cùng liên đới với bà Hồ Thị Đ trả số tiền 12.000 USD.

3. Chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị Đ phải hoàn trả cho bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) số tiền 1.275.000 (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng chi phí giám định bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) đã nộp tạm ứng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Đ phải chịu 13.890.000 (Mười ba triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) phải chịu 11.700.000 (Mười một triệu bảy trăm nghìn) đồng, trừ vào 11.700.000 (Mười một triệu bảy trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: TU/2017/0002902 ngày 27/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Hoàn trả cho bà Teng Yu Ch (Đặng Ngọc G) số tiền 11.101.500 (Mười một triệu một trăm lẻ một nghìn năm trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000085 ngày 19 tháng 3 năm 2015 và 2.000.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005191 ngày 02/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

II/ Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

III/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Đ, ông Văng Công L không phải chịu, hoàn trả mỗi đương sự 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0009738, 0009739 cùng ngày 15/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(4), 15b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhật Bình